

Số : 313/2021_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh bán niên năm 2021 đã kiểm toán.

Tp Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 09 năm 2021

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, sản lượng bán hàng tăng so với cùng kỳ tuy nhiên lợi nhuận sau lại thuế giảm. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2021 giảm so với 6 tháng đầu năm 2020 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu 6 tháng	Số liệu 6 tháng	Chênh lệch (VNĐ)
	đầu năm 2021	đầu năm 2020	
	1	2	3=1-2
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.124.225.378	44.355.912.625	(5.231.687.247)
2 Doanh thu hoạt động tài chính	7.440.288.270	13.077.870.475	(5.637.582.205)
3 Chi phí tài chính	8.834.729.061	16.943.704.440	(8.108.975.379)
4 Chi phí bán hàng	7.702.966.909	5.341.785.616	2.361.181.293
5 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.412.974.247	22.734.075.023	(5.321.100.776)
6 Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.482.355.962	3.146.814.345	335.541.617
7 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.930.618.285	19.587.260.678	(5.656.642.393)

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp giảm 5.231.687.247 đồng nguyên nhân chủ yếu là Công ty giảm giá bán hàng cho các Công ty con.
 - Doanh thu tài chính giảm 5.637.582.205 đồng do trong 6 tháng đầu năm 2021 Công ty không có khoản thu nhập từ hoạt động nhận lợi nhuận từ Công ty con, Công ty liên kết chuyển về như trong 6 tháng đầu năm 2020.
 - Chi phí tài chính giảm 8.108.975.739 nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay giảm và do tỉ giá USD/VNĐ ổn định nên trong sáu tháng đầu năm 2021 Công ty không bị phát sinh lỗ do chênh lệch tỉ giá của các khoản vay dài hạn.
 - Chi phí bán hàng tăng 2.361.181.293 đồng nguyên nhân chủ yếu do phát sinh thêm chi phí môi giới Hợp đồng nhập khẩu, chi phí thuê kho và chi phí bảo lãnh.
- Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên có sự chênh lệch giảm lợi nhuận sau thuế là 5.656.642.393 đồng.

Trân trọng.



TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN MINH LOAN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch
Ông Trần Minh Loan	Thành viên
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Ông Yasuyoshi Kasahara	Trưởng ban
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Minh Loan

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được lập ngày 30/8/2021, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQC-N-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021*

A vertical red stamp on the right margin of the page. The text is partially visible and appears to be "CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM".

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

	MS	TM	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130)	100		865.367.948.300	730.016.690.075
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14.345.352.462	14.559.050.744
1. Tiền	111		14.345.352.462	14.559.050.744
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.578.357.615	36.078.357.615
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	150.578.357.615	36.078.357.615
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		693.084.966.416	677.277.183.498
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	459.060.471.009	447.031.896.968
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	10.629.053.732	9.233.975.357
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	207.240.782.000	3.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	17.454.659.675	219.311.311.173
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	2.911.173.265	568.226.592
1. Hàng tồn kho	141		2.911.173.265	568.226.592
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.448.098.542	1.533.871.626
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	4.448.098.542	1.533.871.626
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		771.399.629.807	816.637.386.226
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.466.842.000	28.301.302.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	18.337.320.000	18.337.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	10.129.522.000	9.963.982.000
II. Tài sản cố định	220		627.967.182	455.844.212
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	627.967.182	455.844.212
- Nguyên giá	222		1.124.712.182	846.712.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(496.745.000)	(390.867.970)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.248.856.176	2.547.654.229
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	5.248.856.176	2.547.654.229
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		676.430.329.908	723.326.989.908
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	655.596.076.007	655.596.076.007
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2	74.056.055.625	15.952.715.625
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(53.221.801.724)	(53.221.801.724)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	-	105.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		60.625.634.541	62.005.595.877
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	60.625.634.541	62.005.595.877
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.636.767.578.107	1.546.654.076.301


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

	MS	TM	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.146.071.678.456	1.069.888.794.935
I. Nợ ngắn hạn	310		957.623.978.456	901.303.994.935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	488.812.343.630	246.387.538.985
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.875.684	4.507.864.374
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.530.798.807	1.323.768.821
4. Phải trả người lao động	314		542.841.512	467.675.504
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	2.190.872.855	2.835.046.041
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	923.298.990	965.667.118
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	461.552.073.070	644.797.560.184
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
II. Nợ dài hạn	330		188.447.700.000	168.584.800.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	188.447.700.000	168.584.800.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		490.695.899.651	476.765.281.366
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	490.695.899.651	476.765.281.366
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115.560.601.435	101.629.983.150
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		101.629.983.150	83.458.672.836
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.930.618.285	18.171.310.314
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.636.767.578.107	1.546.654.076.301

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu


Lại Văn Tú

Kế toán trưởng


Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc


Trần Minh Loan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.175.139.448.601	807.948.596.094
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.175.139.448.601	807.948.596.094
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.136.015.223.223	763.592.683.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		39.124.225.378	44.355.912.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	7.440.288.270	13.077.870.475
7. Chi phí tài chính	22		8.834.729.061	16.943.704.440
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>8.768.817.614</i>	<i>13.521.433.507</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	7.702.966.909	5.341.785.616
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.625.843.431	12.414.218.021
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		17.400.974.247	22.734.075.023
11. Thu nhập khác	31		12.000.000	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		12.000.000	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		17.412.974.247	22.734.075.023
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	3.482.355.962	3.146.814.345
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		13.930.618.285	19.587.260.678

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.412.974.247	22.734.075.023
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		105.877.030	596.537.610
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(269.147.941)	1.164.504.096
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.869.941.303)	(12.085.276.038)
- Chi phí lãi vay	06		8.768.817.614	13.521.433.507
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.148.579.647	25.931.274.198
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.510.031.705)	(5.004.622.519)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.342.946.673)	(12.202.332.264)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		239.414.674.304	(72.721.981.095)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.534.265.580)	3.454.536.098
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.412.990.800)	(14.781.830.893)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.450.000.000)	(6.104.410.032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		231.313.019.193	(81.429.366.507)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.601.891.176)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(417.715.782.000)	(133.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		203.975.000.000	26.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(58.103.340.000)	(4.224.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		193.215.782.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.431.650.090	9.382.757.098
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(68.798.581.086)	(102.341.242.902)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ cho vay	33		1.013.082.194.727	925.402.919.915
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.175.800.081.841)	(710.237.631.783)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.249.275)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(162.728.136.389)	215.165.288.132
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(213.698.282)	31.394.678.723
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.559.050.744	4.973.284.742
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	14.345.352.462	36.367.963.465

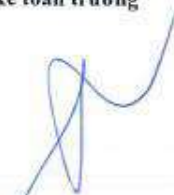
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú



Trần Minh Loan

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2021 là 19 người (tại ngày 31/12/2020 là 18 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cầu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

SIT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,57%	98,57%	98,57%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	67,56%	67,56%	67,56%
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Tổ 92, Lô 8 A1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh (i)	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
8	Công ty Cổ phần Liên doanh Hướng Dương Machidas Gas (i)	81 Phạm Thế Hiển, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,98%	99,98%	99,98%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty liên kết						
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đạt Phát	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xã Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Áp 3, Xã Nhứt Châu, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
7	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 456C/8, Khu phố Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
8	Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	số 133/1A Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 2, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%

(i) Tại ngày 29/4/2021, Công ty Cổ phần Liên doanh Hường Dương Machida Gas đã làm thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**
Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

21/2
Y
AN
IAN
A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay...); Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30/6/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm

04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cho thuê tài sản (Tiếp theo)

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh phát hành

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vô hình gas

Chi phí trả trước là giá trị vô hình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vô hình gas. Chi phí vô hình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.

IN:
CÔNG
TÂN
PHÚ
VI
TÀI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

010
GT
HH
0A
TN
01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc chốt danh sách quyền nhận cổ tức.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

012
V
M
VIỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	85.354.055	1.181.010.892
Tiền gửi ngân hàng	14.259.998.407	13.378.039.852
Tổng	14.345.352.462	14.559.050.744

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	150.578.357.615	150.578.357.615	36.078.357.615	36.078.357.615
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	150.578.357.615	150.578.357.615	36.078.357.615	36.078.357.615
Dài hạn	-	-	105.000.000.000	105.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	105.000.000.000	105.000.000.000
Tổng	150.578.357.615	150.578.357.615	141.078.357.615	141.078.357.615

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 4,7%/năm đến 5,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)				
	Tỷ lệ Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			655.596.076.007		(50.281.771.542)	655.596.076.007		(50.281.771.542)
Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	98,57%	98,57%	142.307.241.235	(i)	-	142.307.241.235	(i)	-
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Định	100,00%	100,00%	443.340.459.992	(i)	(21.640.100.587)	443.340.459.992	(i)	(21.640.100.587)
Công ty Cổ phần MT Gas (ii)	67,56%	67,56%	35.699.374.780		(18.644.458.004)	35.699.374.780		(18.644.458.004)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	80,00%	80,00%	6.000.000.000	(i)	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(i)	(6.000.000.000)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	(i)	(3.997.212.951)	28.249.000.000	(i)	(3.997.212.951)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con						
(trang trước chuyển sang)			655.596.076.007	(50.281.771.542)	655.596.076.007	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			74.056.055.625	(2.940.030.182)	15.952.715.625	(2.940.030.182)
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	35,00%	35,00%	10.725.395.625	-	10.725.395.625	(i)
Công ty Cổ phần Sơn xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	(554.710.182)	1.470.000.000	(i)
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đạt Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	(2.385.320.000)	2.385.320.000	(i)
Công ty TNHH Thương mại Vĩnh Quang	49,00%	49,00%	1.372.000.000	-	1.372.000.000	(i)
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hòa long Be Ta Gas (iii)	49,00%	49,00%	7.513.340.000	-	-	(i)
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (iii)	49,00%	49,00%	2.940.000.000	-	-	(i)
Công ty Cổ phần Khí Hóa Long Hoàng Anh (iv)	35,00%	35,00%	13.650.000.000	-	-	(i)
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông (v)	20,00%	20,00%	34.000.000.000	-	-	(i)
Tổng			729.652.131.632	(53.221.801.724)	671.548.791.632	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**
Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2021 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas trên cơ sở giá đóng cửa của cổ phiếu trên Hệ thống giao dịch UpCOM và số lượng cổ phần Công ty sở hữu tại ngày 30/6/2021.
- (iii) Công ty nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas và Công ty TNHH LPG Tiến Phát căn cứ trên Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 02/BBHĐQT-ASP/2021 ngày 27/01/2021.
- (iv) Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hoàng Anh căn cứ trên Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 08/BBHĐQT-ASP/2021 ngày 10/5/2021.
- (v) Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần LPG Biên Đông căn cứ trên Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 12/BBHĐQT-ASP/2020 ngày 20/11/2020.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	30.158.709.056	64.705.392.180
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	306.896.756.557	269.264.748.370
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	4.628.532.208	18.437.345.856
Công ty Cổ phần MT Gas	15.910.675.950	18.341.358.723
Công ty Cổ Phần Gas Thủ Đức	38.771.111.451	31.651.404.787
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	5.351.620.431	13.471.441.844
Phải thu các đối tượng khác	57.343.065.356	31.160.205.208
Tổng	459.060.471.009	447.031.896.968
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>376.876.106.624</i>	<i>363.061.388.435</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	7.352.057.364	7.452.057.364
Các đối tượng khác	1.976.996.368	481.917.993
Tổng	10.629.053.732	9.233.975.357

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.5 Phải thu về cho vay

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	207.240.782.000	3.000.000.000
Ông Nguyễn Thế Giáp (i)	2.600.000.000	2.600.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ Gas Nguyễn Trọng Nghệ (ii)	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh (iii)	195.215.782.000	-
Công ty TNHH LPG Tiên Phát (iv)	9.025.000.000	-
Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Đình (v)	200.000.000	200.000.000
Dài hạn	18.337.320.000	18.337.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (vi)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (vii)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (viii)	8.217.320.000	8.217.320.000
Tổng	225.578.102.000	21.337.320.000
<i>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>222.578.102.000</i>	<i>18.337.320.000</i>

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND, lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Ngày 16/5/2020, Công ty và ông Nguyễn Thế Giáp có thỏa thuận gia hạn khoản vay thêm 12 tháng kể từ ngày 16/5/2020.

(ii) Khoản cho Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Gas Nguyễn Trọng Nghệ theo Hợp đồng VAY ASP/NTN 2017 ngày 29/6/2017 với số tiền vay là 200.000.000 VND, lãi suất tiền vay là 0%, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó, Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ Gas Nguyễn Trọng Nghệ cam kết tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha. Ngày 29/6/2020, Công ty và Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Gas Nguyễn Trọng Nghệ có thỏa thuận gia hạn thời hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 29/6/2020.

(iii) Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh vay theo Hợp đồng số 2602/2021/HĐCV/ASP-BM ngày 26/02/2021 với số tiền vay là 193.215.782.000 VND, lãi suất tiền vay là 3,4%/năm, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay: từ ngày nhận tiền vay đến 25/05/2022. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iv) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiên Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021 với số tiền vay là 9.500.000.000 VND, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**
Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.5 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)

(v) Khoản cho Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Dinh vay theo Hợp đồng VAY_ASP/NVD 2017 ngày 29/6/2017 với số tiền vay là 200.000.000 VND, lãi suất tiền vay là 0%, thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó, Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Dinh cam kết tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha. Ngày 29/6/2020, Công ty và Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Gas Nguyễn Trọng Nghệ có thỏa thuận gia hạn thời hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 29/6/2020.

(vi) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 5.520.000.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt.

(vii) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 4.600.000.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Vinh Quang.

(viii) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 8.217.320.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Tân Đại Phát.

D.N
C
KI
CP
DNC

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	17.454.659.675	-	219.311.311.173	-
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	1.925.000.000	-
Phải thu ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	11.006.908.365	-	9.628.452.928	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	4.133.685.131	-	9.770.393.918	-
Phải thu ông Phạm Huy Hoàng (iii)	213.360.000	-	213.360.000	-
Công ty CP Thương mại Gas Bình Minh Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	-	-	193.215.782.000	-
Các cổ đông tại Công ty CP LPG Biển Đông	-	-	2.499.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.152.781.629	-	83.849.134	-
Ký cược, ký quỹ	540.500.000	-	1.540.500.000	-
Phải thu khác	7.424.550	-	34.973.193	-
Dài hạn	10.129.522.000	-	9.963.982.000	-
Ký cược, ký quỹ	3.164.522.000	-	2.998.982.000	-
Phải thu Ông Trần Quốc Bừu (iv)	2.185.000.000	-	2.185.000.000	-
Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa (v)	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
Tổng	27.584.181.675	-	229.275.293.173	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan</i>	<i>11.406.908.365</i>	-	<i>205.169.234.928</i>	-

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6 Phải thu ngắn hạn khác (Tiếp theo)

(iii) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Phạm Huy Hoàng thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư tại Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát.

(iv) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017. Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

(v) Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

5.7 Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Công Nghệ An Toàn Dầu Khí Việt Nam	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
Tổng	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-

5.8 Hàng tồn kho

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	2.911.173.265	-	568.226.592	-
Tổng	2.911.173.265	-	568.226.592	-

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 Chi phí trả trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	4.448.098.542	1.533.871.626
Chi phí bảo lãnh phát hành	2.733.677.252	948.968.961
Chi phí sửa chữa	47.181.240	224.676.349
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	1.387.210.819	209.029.000
Các khoản khác	280.029.231	151.197.316
Dài hạn	60.625.634.541	62.005.595.877
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	52.712.114.541	57.366.635.877
Chi phí thuê	7.913.520.000	4.638.960.000
Tổng	65.073.733.083	63.539.467.503

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.

5.10 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	846.712.182	846.712.182
Tăng trong kỳ	278.000.000	278.000.000
Mua trong kỳ	278.000.000	278.000.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	1.124.712.182	1.124.712.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	390.867.970	390.867.970
Tăng trong kỳ	105.877.030	105.877.030
Khấu hao trong kỳ	105.877.030	105.877.030
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	496.745.000	496.745.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	455.844.212	455.844.212
Tại ngày 30/6/2021	627.967.182	627.967.182

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí đầu tư dự án chuyển đổi số	5.248.856.176	2.547.654.229
Tổng	5.248.856.176	2.547.654.229

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	473.674.969.868	473.674.969.868	235.776.156.155	235.776.156.155
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP	4.816.948.730	4.816.948.730	5.531.609.050	5.531.609.050
Phải trả cho các đối tượng khác	10.320.425.032	10.320.425.032	5.079.773.780	5.079.773.780
Tổng	488.812.343.630	488.812.343.630	246.387.538.985	246.387.538.985

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

	-	-	124.360.829	124.360.829
--	---	---	-------------	-------------

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
	Phải nộp	1.323.768.821	11.056.771.758	8.849.741.772
Thuế giá trị gia tăng	1.084.712.166	5.112.391.207	4.805.793.486	1.391.309.887
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.031.703.306	1.031.703.306	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.200.358	3.482.355.962	1.450.000.000	2.045.556.320
Thuế thu nhập cá nhân	225.856.297	856.122.056	988.045.753	93.932.600
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	570.199.227	570.199.227	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.190.872.855	2.835.046.041
Tổng	2.190.872.855	2.835.046.041
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	983.234.125
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	16.033.925	22.981.545
Bảo hiểm thất nghiệp	1.749.735	-
Cố tức phải trả	819.494.494	829.743.769
Phải trả, phải nộp khác	86.020.836	112.941.804
Tổng	923.298.990	965.667.118



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2021 (VND)		Biến động trong kỳ (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	461.552.073.070	461.552.073.070	994.208.594.727	1.177.454.081.841	644.797.560.184	644.797.560.184
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	25.895.354.747	25.895.354.747	70.399.552.106	183.459.493.455	138.955.296.096	138.955.296.096
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	319.375.161.149	319.375.161.149	791.764.576.358	734.339.823.004	261.950.407.795	261.950.407.795
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	45.491.157.174	45.491.157.174	83.986.066.263	167.049.965.382	128.555.056.293	128.555.056.293
Saisan Co., Ltd.	-	-	-	67.164.000.000	67.164.000.000	67.164.000.000
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)	13.647.000.000	13.647.000.000	9.242.000.000	4.859.000.000	9.264.000.000	9.264.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	57.143.400.000	57.143.400.000	38.816.400.000	20.581.800.000	38.908.800.000	38.908.800.000
Vay dài hạn	188.447.700.000	188.447.700.000	67.921.300.000	48.058.400.000	168.584.800.000	168.584.800.000
Saisan Co., Ltd.	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)	23.321.000.000	23.321.000.000	159.000.000	9.242.000.000	32.404.000.000	32.404.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	165.126.700.000	165.126.700.000	67.762.300.000	38.816.400.000	136.180.800.000	136.180.800.000
Tổng	649.999.773.070	649.999.773.070	1.062.129.894.727	1.225.512.481.841	813.382.360.184	813.382.360.184

Vay các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

67.164.000.000

67.164.000.000

67.164.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019:
 - Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 15.500.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động;
 - Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
 - Ngày hết hạn giải ngân: 25/3/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
 - Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

- (ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19, và phụ lục Hợp đồng tín dụng số FL/012/20 ngày 13/3/2020 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:
 - Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 12.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
 - Thời hạn rút vốn: Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 13/3/2020 đến ngày 15/3/2021, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
 - Biện pháp bảo đảm: Thư bảo lãnh được cấp bởi Công ty Saisan.

- (iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 01 ngày 24/12/2019:
 - Hạn mức tín dụng là 13.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Mục đích: Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
 - Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iv) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay: 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
- Mục đích của khoản vay: cho vay tài cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Phương thức trả nợ: Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(v) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay: 8.400.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tài cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	102.128.443.836	477.263.742.052
Lãi trong năm	-	-	-	-	18.171.310.314	18.171.310.314
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.669.771.000)	(18.669.771.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	101.629.983.150	476.765.281.366
Số dư tại ngày 01/01/2021	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	101.629.983.150	476.765.281.366
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	13.930.618.285	13.930.618.285
Số dư tại ngày 30/6/2021	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	115.560.601.435	490.695.899.651

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/4/2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 500 VND/cổ phiếu. Công ty dự kiến sẽ chốt quyền nhận cổ tức và chi trả cổ trong quý 3 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 30/6/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức đã chia	-	18.669.771.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán LPG	1.168.040.899.758	799.320.153.967
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	4.176.936.900	4.176.936.900
Doanh thu cho thuê kho, trạm nạp LPG	1.813.529.967	4.179.035.715
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.108.081.976	272.469.512
Tổng	1.175.139.448.601	807.948.596.094
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>564.137.600.022</i>	<i>288.004.537.368</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 (Trình bày lại) VND
Giá vốn bán LPG	1.128.829.886.224	756.201.471.479
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	4.654.521.336	3.898.331.442
Giá vốn cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas	2.030.007.273	2.944.005.186
Giá vốn dịch vụ khác	500.808.390	548.875.362
Tổng	1.136.015.223.223	763.592.683.469

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.161.941.303	4.471.276.038
Cổ tức, lợi nhuận được chia	708.000.000	7.614.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	570.346.967	992.591.137
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.300
Tổng	7.440.288.270	13.077.870.475
<i>Lãi tiền cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>205.303.126.540</i>	<i>299.925.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	8.768.817.614	13.521.433.507
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.951.705	3.154.278.116
Phí bảo lãnh tín dụng	49.959.742	267.992.817
Tổng	8.834.729.061	16.943.704.440
<i>Chi phí lãi vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>335.679.833</i>	<i>2.398.958.333</i>

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí bán hàng	7.702.966.909	5.341.785.616
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	3.947.584.082	2.847.343.171
Chi phí bảo lãnh mua hàng	2.100.659.479	1.157.851.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.654.723.348	1.336.590.645
Chi phí quản lý	12.625.843.431	12.414.218.021
Chi phí nhân viên quản lý	5.090.317.143	4.141.309.591
Chi phí vật liệu quản lý	24.136.182	28.528.725
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.321.000	25.981.737
Chi phí khấu hao TSCĐ	105.877.030	60.823.332
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	-	2.500.020.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.528.840.375	1.960.211.086
Chi phí bằng tiền khác	4.867.351.701	3.693.343.550
Tổng	20.328.810.340	17.756.003.637

01
V
H
T
ET
N

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3,
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.412.974.247	22.734.075.023
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm		
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>706.805.565</i>	<i>613.996.702</i>
<i>Thu nhập từ nhân cổ tức</i>	<i>(708.000.000)</i>	<i>(7.614.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	17.411.779.812	15.734.071.725
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	17.411.779.812	15.734.071.725
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.482.355.962	3.146.814.345
Tổng	3.482.355.962	3.146.814.345

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.457.182	54.510.462
Chi phí nhân công	5.090.317.143	4.141.309.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.014.260	596.537.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.417.144.283	14.157.494.414
Chi phí khác bằng tiền	4.871.351.701	3.697.343.550
Tổng	27.524.284.569	22.647.195.627

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các cam kết

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Năm thứ nhất	5.895.132.636	2.356.363.636
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	11.781.818.182	11.781.818.182
Từ năm thứ năm trở đi	-	1.767.272.727
Tổng	17.676.950.818	15.905.454.545

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong kỳ:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp
3	Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp
4	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con trực tiếp
5	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp
6	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
7	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
8	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Bc Ta Gas	Công ty liên kết
9	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	Công ty liên kết
11	Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên kết

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Minh Loan	Thành viên HĐQT	36.000.000	-

Thù lao của thành viên Ban Kiểm toán nội bộ (i)

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Yasuyoshi Kasahara	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/4/2021, Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị không có quốc tịch Việt Nam và Ban Kiểm toán nội bộ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	244.723.607	247.761.250
Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	217.961.175	208.252.500
Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin	406.599.396	319.853.725

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu Khí An Pha	Phí gửi kho, cước vận chuyên LPG	-	271.135.767
Công ty Cổ phần MT Gas Saisan Co., Ltd.	Phí gửi kho LPG	75.319.879	279.070.519
	Phí bảo hiểm	189.518.201	230.000.000
	Phí bảo lãnh tín dụng	925.353.562	600.000.000
	Chi phí khác	895.277.500	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Phí gửi kho LPG	-	113.000.000
Bán hàng			
Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha	Bán LPG	407.847.280.170	184.285.579.000
Công ty Cổ phần MT Gas	Bán LPG	72.297.758.822	59.875.033.886
Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần	Bán LPG	-	18.316.310.662
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán LPG	25.497.351.590	25.527.613.820
Công ty CP Thương Mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Bán LPG	23.517.668.358	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Bán LPG	1.470.198.551	-
Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lọc Mỹ Phước	Bán LPG	544.447.305	-
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Bán LPG	32.962.895.226	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<u>Cho vay</u>			
Công ty Cổ phần Liên Doanh Hương Dương Machida Gas	Lãi vay Tiền gốc chi cho vay trong kỳ	8.761.644 2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Lãi vay Tiền gốc chi cho vay trong kỳ	1.784.736.947 193.215.782.000	-
Công ty TNHH LPG Tiền Phát	Lãi vay Tiền gốc chi cho vay trong kỳ Tiền gốc cho vay thu hồi trong kỳ	64.417.808 9.500.000.000 475.000.000	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Bc Ta Gas	Lãi vay Tiền gốc chi cho vay trong kỳ Tiền gốc cho vay thu hồi trong kỳ	14.013.699 3.000.000.000 3.000.000.000	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hongvina	Cổ tức	708.000.000	614.400.000
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Lãi vay	25.151.389	299.925.000
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Cổ tức	-	7.000.000.000
<u>Đi vay</u>			
Saisan Co., Ltd.	Chi phí lãi vay Tiền gốc vay đã trả trong kỳ Tiền gốc vay đã nhận trong kỳ	335.679.833 67.164.000.000 - -	2.398.958.333 - 67.164.000.000

010
ÔNG
FNF
MT
VIE
TÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan		30/6/2021	01/01/2021
		VND	VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		376.876.106.624	363.061.388.435
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Bán LPG	30.158.709.056	64.705.392.180
Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha	Bán LPG	306.896.756.557	269.264.748.370
Công ty Cổ phần MT Gas	Bán LPG	15.910.675.950	18.341.358.723
Công ty TNHH Khí đầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Bán LPG	1.617.218.369	444.277.092
Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Bán LPG	132.594.403	116.915.511
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán LPG	11.261.422.480	10.188.696.559
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Bán LPG	6.757.181.040	-
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Bán LPG	4.141.548.769	-
<u>Phải thu khác ngắn hạn (Trình bày lại)</u>		11.406.908.365	205.169.234.928
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Lợi nhuận phải thu	-	1.925.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Tiền chuyển nhượng cổ phần	-	193.215.782.000
Saisan Co., Ltd.	Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ	11.006.908.365	9.628.452.928
Ông Lại Văn Tú	Tiền ủy quyền mua cổ phần	400.000.000	400.000.000
<u>Phải thu về cho vay</u>		222.578.102.000	18.337.320.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Tiền gốc cho vay	195.215.782.000	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Tiền gốc cho vay	9.025.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Tiền gốc cho vay	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	Tiền gốc cho vay	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Tiền gốc cho vay	8.217.320.000	8.217.320.000

1917
TY
H
DÂN
NAM
31

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU KHÍ AN PHA**
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

<u>Các bên liên quan</u>	<u>30/6/2021</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2021</u> <u>VND</u>
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>	-	124.360.829
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Phí gửi kho LPG	124.360.829
<u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u>	-	983.234.125
Saisan Co., Ltd.	Lãi vay phải trả	983.234.125
<u>Vay và nợ thuê tài chính</u>	-	67.164.000.000
Saisan Co., Ltd.	Tiền gốc vay phải trả	67.164.000.000

7.3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu

Lại Văn Tú

Kế toán trưởng

Lại Văn Tú



Trần Minh Loan